



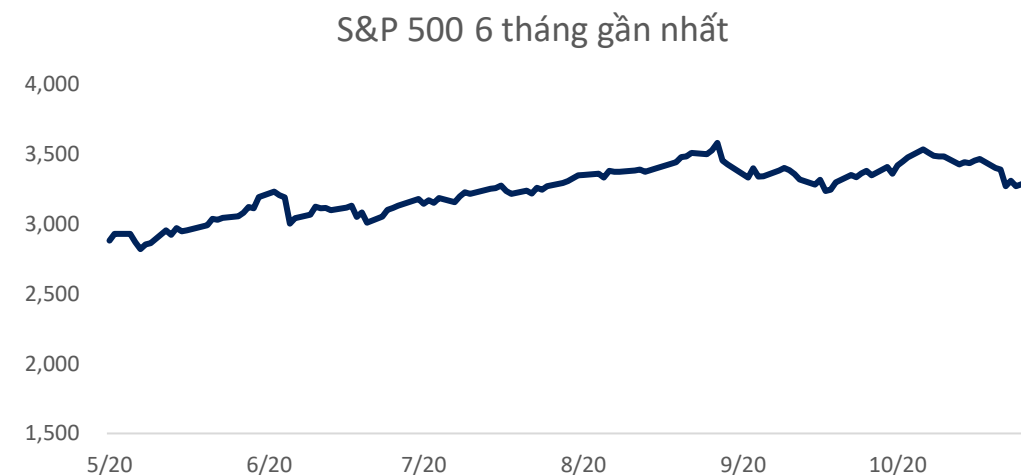
03/11/20

**DAILY** MORNING

VN-Index vận động ổn định



|                   | 3/11     | % Sáng<br>3/11 | 2/11     | % Ngày<br>2/11 | % Tuần | % Tháng |
|-------------------|----------|----------------|----------|----------------|--------|---------|
| VN INDEX          |          |                | 933.68   | 0.89%          | -1.80% | 2.14%   |
| S&P 500           |          |                | 3,310.24 | 1.23%          | -2.67% | -2.09%  |
| S&P500<br>Futures | 3,312.00 | 0.35%          | 3,300.50 | 1.10%          | -2.10% | -0.82%  |
| Shanghai          |          |                | 3,225.12 | 0.02%          | -0.80% | -1.66%  |
| Euro Stoxx        |          |                | 3,019.54 | 2.07%          | -2.76% | -5.46%  |



Nguồn: Bloomberg, BSC

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | PTKT                |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>11/11 ngành cấp 1 thuộc S&amp;P500 giảm điểm. Những ngành tích cực nhất là: Năng lượng (+3.67%), Nguyên vật liệu (+3.39%), Công nghiệp (+2.73%).</li> <li>Theo ISM, PMI sản xuất của Mỹ tăng lên 59.3 điểm trong tháng 10, từ mức 55.4 điểm trong tháng 9, tháng tăng mạnh nhất kể từ 9/2018</li> <li>Theo IHS, PMI Trung Quốc tăng lên 53.6 điểm trong tháng 10, từ mức 53.0 điểm trong tháng 9, tháng tăng mạnh nhất kể từ 1/2011.</li> </ul> | S&P 500             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Kháng cự 3600       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Hỗ trợ 3050         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Điểm PTKT TÍCH CỰC  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | SHComp              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Xu hướng Tích lũy   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Kháng cự 3500       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Hỗ trợ 3000         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Điểm PTKT TRUNG LẬP |

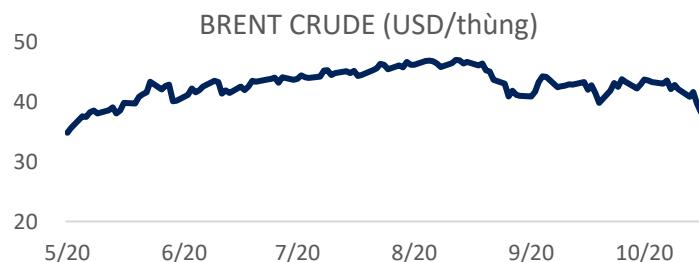


Nguồn: Bloomberg, BSC

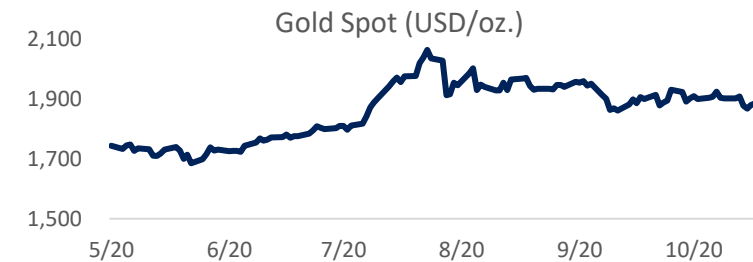
| Mặt hàng     | Đơn vị   | 3/11     | % Sáng<br>3/11 | 2/11     | % 2/11 | % Tuần  | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|----------------|----------|--------|---------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 37.08    | 0.73%          | 36.81    | 2.85%  | -6.29%  | -0.70%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. | 38.97    | 2.71%          | 37.94    | -0.84% | -4.51%  | -5.96%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| GASOLINE     | USd/gal. | 105.74   | 0.51%          | 105.20   | 1.92%  | -6.33%  | -3.96%  | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,893.78 | -0.09%         | 1895.48  | 0.89%  | -0.74%  | -0.32%  | PNJ                |                    |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 24.02    | -0.27%         | 24.09    | 1.83%  | -1.43%  | 1.22%   | PNJ                |                    |
| SOYBEAN      | USd/bu.  |          |                | 1,052.25 | -0.38% | -2.88%  | 2.43%   | DBC, QNS           | HKB                |
| WHEAT        | USd/bu.  |          |                | 607.50   | 1.50%  | -2.02%  | 6.53%   |                    | AFX                |
| MILK         | USD/cwt  |          |                | 23.66    | -0.59% | 5.77%   | 22.21%  | KDC                | VNM, GTN, QNS      |
| RUBBER       | JPY/kg   | 216.90   | -5.78%         | 230.20   | -7.99% | -14.67% |         | SRC, CSM, DRC      | DPR, PHR, HAG, HNG |
| SUGAR        | USd/lb.  |          |                | 14.97    | 4.25%  | 1.35%   | 10.24%  | SBT, LSS, SLS, QNS | VNM, GTN, QNS      |
| COFFEE       | USd/lb.  |          |                | 102.80   | -1.53% | -3.61%  | -3.97%  | VCF, CTP           | CTP, DLG           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |                | 6762.00  | 0.65%  | -0.28%  | 5.87%   | MSN, ACM, BGM      | CAV, SAM, TGP, VTH |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 3,722.00 | 0.38%          | 3708.00  | 0.57%  | 2.93%   | 4.93%   | HSG, HPG, NKG      | PC1, CTD, HBC      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |                | 1866.00  | 0.95%  | 2.11%   | 7.27%   |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 791.50   | -0.69%         | 797.00   | 1.40%  | 3.19%   | 3.33%   | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |                | 59.90    | 1.10%  | 2.31%   | -3.85%  | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USd = US Cent

- HĐTL dầu thô bật tăng trong phiên hôm qua chủ yếu bởi số liệu kinh tế PMI tích cực tại Mỹ



Nguồn: Bloomberg, BSC

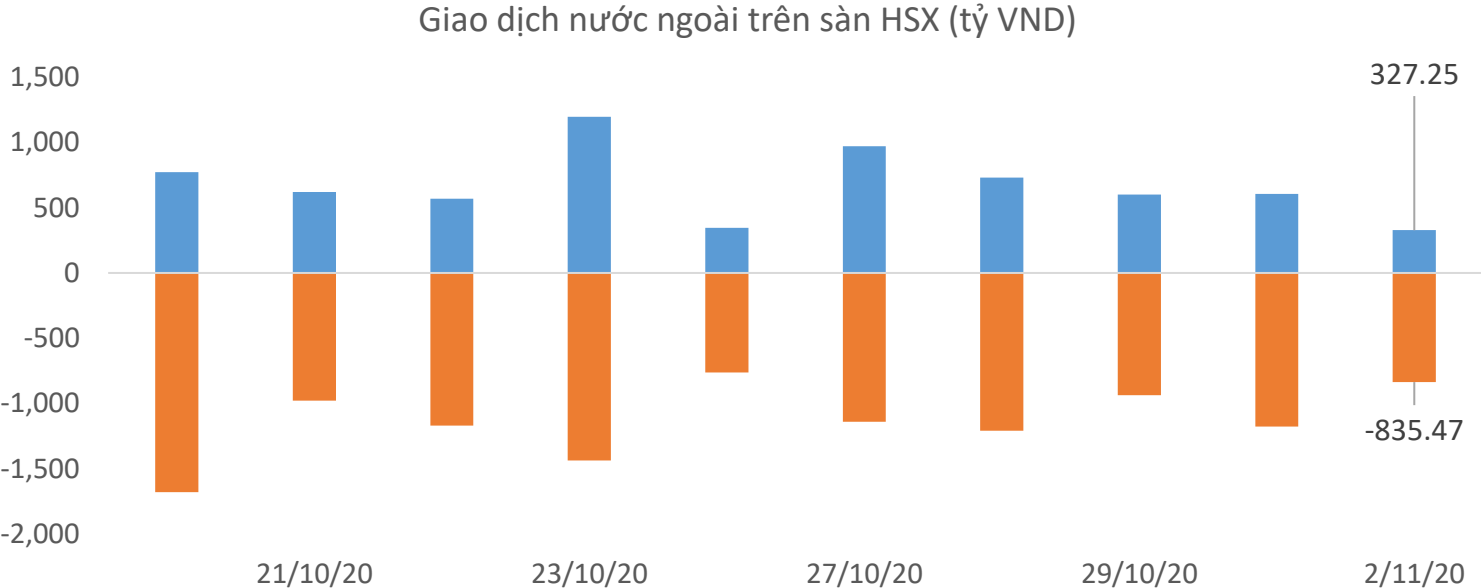


Nguồn: Bloomberg, BSC



| ETF       | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |      |      |       | Nhận định                                                                                                                                                                                                               |
|-----------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|------|------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W   | 1M   | 3M    |                                                                                                                                                                                                                         |
| VNM       | 385.5            | 15.0            | 0.00               | -0.7%        | 0.0                       | 0.0  | -3.0 | 4.4   | Các ETFs khác cân bằng, giữ nguyên quy mô hiện tại. ETF Diamond có mức premium lớn, có khả năng tăng quy mô trong phiên tới.<br>Khối ngoại bán ròng ở hầu hết các nước khu vực, ngoại trừ tại thị trường Korea, Taiwan. |
| FTSE      | 254.4            | 30.5            | 0.00               | -0.7%        | 0.0                       | 0.0  | 0.8  | 1.1   |                                                                                                                                                                                                                         |
| iShare    | 380.3            | 26.1            | 0.00               | 0.5%         | 0.0                       | 0.0  | 0.0  | 0.0   |                                                                                                                                                                                                                         |
| E1VFN30   | 267.3            | 0.7             | 0.00               | -0.8%        | 0.0                       | -0.7 | -7.0 | 4.4   |                                                                                                                                                                                                                         |
| FUEVFN30  | 104.6            | 0.6             | 0.00               | 2.5%         | 0.0                       | 0.1  | 5.9  | 19.8  |                                                                                                                                                                                                                         |
| FUESSVFL  | 37.0             | 0.4             | 0.00               | 0.7%         | 0.0                       | 0.0  | 1.1  | 1.0   |                                                                                                                                                                                                                         |
| FUESSVN30 | 2.3              | 0.5             | 0.00               | 0.5%         | 0.0                       | 0.0  | -0.4 |       |                                                                                                                                                                                                                         |
| VN100     | 3.0              | 0.5             | 0.00               | -0.4%        | 0.0                       | -0.1 | -0.1 | 0.3   |                                                                                                                                                                                                                         |
| KIM       | 180.4            | 11.3            | 0.00               | -1.6%        | 0.0                       | 0.0  | -1.1 | 12.8  |                                                                                                                                                                                                                         |
| PREMIA    | 21.9             | 9.7             | 0.00               | -1.5%        | 0.0                       | -    | -    | (4.3) |                                                                                                                                                                                                                         |

| Khối ngoại<br>(tr. USD)                               | Ngày    | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------------------------------------|---------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                                              | -22.06  | -22.06                | -22.06                 |
| ASEAN4*                                               | -150.24 | -63.33                | -375.63                |
| Ấn Độ                                                 | -190.06 | 193.41                | 2506.38                |
| Đài Loan                                              | 86.51   | 86.51                 | 86.51                  |
| Hàn Quốc                                              | 152.78  | 152.78                | 152.78                 |
| Nhật Bản                                              |         | 2181.26               | 20676.50               |
| Trung Quốc                                            |         |                       | -16562.35              |
| Ghi chú: * Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia |         |                       |                        |
| Credit Default Swap                                   |         | MoM %                 |                        |
| Việt Nam                                              |         | 0.67                  |                        |
| Thái Lan                                              |         | -4.20                 |                        |
| Singapore                                             |         | 0.67                  |                        |
| Phillippines                                          |         | -5.75                 |                        |
| Malaysia                                              |         | -5.04                 |                        |



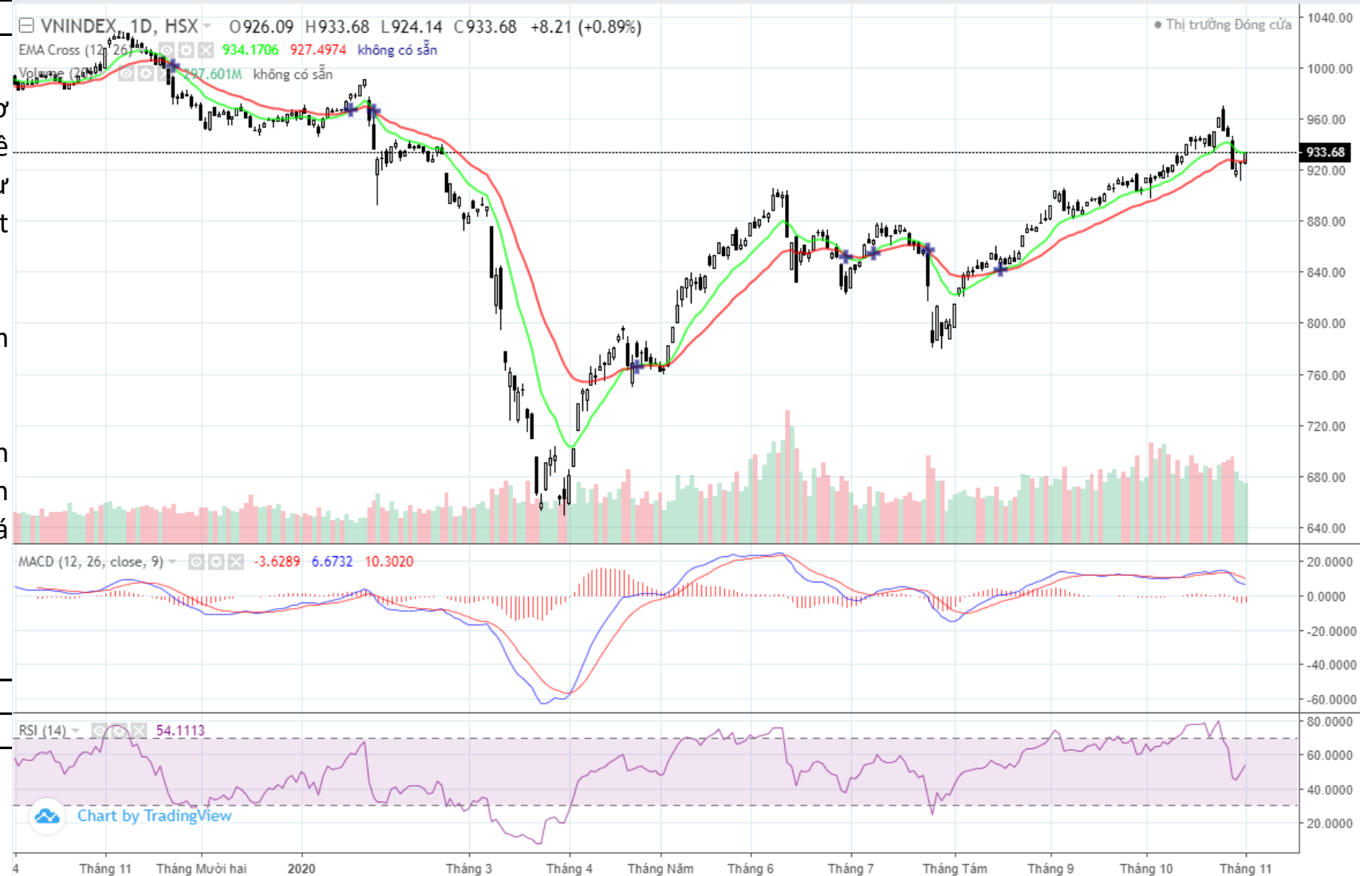
Nguồn: Fiinpro, BSC

## Tin vĩ mô

- Thủ tướng Chính phủ Quyết nghị thông qua hồ sơ trình Quốc hội về Dự án Nghị quyết của Quốc hội về thuế suất giá trị gia tăng đối với mặt hàng phân bón từ mặt hàng không chịu thuế giá trị gia tăng sang mặt hàng có thuế suất giá trị gia tăng 5%.
- PMI Việt Nam đạt 51.8 điểm trong tháng 10, giảm nhẹ so với 52.2 điểm trong tháng 9
- Thủ tướng yêu cầu kiểm soát lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 ở mức dưới 3%, chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) thực hiện giữ ổn định giá điện, không thực hiện điều chỉnh tăng giá điện.

## Thông số kỹ thuật

|          |            |
|----------|------------|
| Xu hướng | Điều chỉnh |
| Chỉ báo  | Trung lập  |
| Kháng cự | 950        |
| Hỗ trợ   | 905        |



Nguồn: FireAnt, BSC

- SAB: Kết quả kinh doanh trong 3 tháng (từ tháng 07/2020), Sabeco ghi nhận doanh thu 8.052 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 1% so với cùng kỳ năm ngoái với 1.470 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2020, doanh nghiệp này ghi nhận doanh thu đạt hơn 20.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 3.403 tỷ đồng, lần lượt giảm 29% và 20% so với 9 tháng đầu năm 2019.
- PHP: Quý 3 doanh thu thuần đạt 537,3 tỷ đồng, tăng 7,5% so với cùng kỳ, lãi sau thuế 149,7 tỷ đồng, tăng 16% so với quý 3 năm ngoái, trong đó lợi nhuận sau thuế ghi nhận về cho cổ đông công ty mẹ đạt 121 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2020 doanh thu Cảng Hải Phòng đạt 1.496 tỷ đồng, giảm 5,6% so với cùng kỳ năm 2019. Nhờ chi phí vốn bỏ ra giảm, nên lợi nhuận gộp thu về đạt xấp xỉ cùng kỳ với 550 tỷ đồng.
- NAF: Đã thông báo kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2020 với doanh thu thuần đạt 913,3 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 50,8 tỷ đồng. Trong quý IV/2020, NAF đặt mục tiêu doanh thu 437 tỷ đồng và lợi nhuận 15 tỷ đồng.
- TIX: Ngày 24/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 25/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12,5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 28/12/2020.
- VSH: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường 2020 đã thông qua phương án phát hành chào bán 30 triệu cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu, giá chào bán dự kiến 10.000 đồng/cổ phiếu, thời gian thực hiện từ quý IV/2020 đến quý I/2021.
- BMP: Đã công bố Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2020 với doanh thu thuần tăng hơn 4% so với cùng kỳ lên 1.115 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 153 tỷ đồng, tăng hơn 27%. Lũy kế 9 tháng từ đầu năm 2020, BMP đạt 3.385 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng hơn 6% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ 412 tỷ đồng, tăng 25%.
- HAG: Chủ tịch HĐQT Đoàn Nguyên Đức đã mua 50 triệu cổ phiếu qua phương thức thỏa thuận vào ngày 29/10. Ông Đức hiện nắm giữ 376,7 triệu cổ phiếu, tương đương 40,6% vốn.
- NTL: Thành viên độc lập của HĐQT Trần Quang Hiện đã bán 150.000 cổ phiếu qua phương thức khớp lệnh và thỏa thuận, từ ngày 19/10 đến 28/10. Sau giao dịch, ông Hiện có 230.000 đơn vị, tương đương 0,4% vốn.
- KBC: Công ty Đầu tư Vinatex-Tân Tạo đã mua 10 triệu cổ phiếu từ ngày 29/9 đến 27/10. Tổ chức này đang sở hữu 21 triệu cổ phiếu, tương đương 4,5% vốn. Hiện ông Đặng Thành Tâm là Chủ tịch HĐQT Kinh Bắc, đồng thời là Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc của Đầu tư Vinatex – Tân Tạo.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*

|                                                                   |                                                                            |              |       |
|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------|-------|
| <b>PHR</b><br><br><b>56.3</b><br><br><b>CTCP Cao su Phước Hòa</b> | Xu hướng hiện tại                                                          | Kháng cự     | 57.75 |
|                                                                   | <b>Tích lũy</b><br><br><b>Khuyến nghị kỹ thuật</b><br><br><b>Trung lập</b> | Hỗ trợ       | 56    |
|                                                                   |                                                                            | MACD         | ↑     |
|                                                                   |                                                                            | RSI          | ↔     |
|                                                                   |                                                                            | Moving Avg   | ↓     |
|                                                                   |                                                                            | Giá mục tiêu | 60    |
|                                                                   |                                                                            | Upside       | 7%    |

#### Luận điểm đầu tư

Triển vọng quý 4/2020, PHR sẽ hoàn thành kế hoạch 2020 nhờ vào ghi nhận nốt 315 tỷ đồng từ chuyển nhượng Nam Tân Uyên. Năm 2021, BSC kỳ vọng (i) lợi nhuận từ việc đền bù đất sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của PHR với kế hoạch VSIP tăng diện tích lên 1,000 ha trong đó 691ha từ PHR và phần còn lại từ nơi khác, (ii) giá cao su phục hồi hỗ trợ mảng kinh doanh cao su.

#### Cập nhật KQKD

KQKD lũy kế 9T/2020 doanh thu đạt 886 tỷ đồng (-23% yoy), LNST đạt 725 tỷ đồng (+11.5% yoy), hoàn thành 63% kế hoạch lợi nhuận (theo sát dự báo của chúng tôi).

|                                                         |                                                                            |              |       |
|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------|-------|
| <b>VCB</b><br><br><b>85.8</b><br><br><b>Vietcombank</b> | Xu hướng hiện tại                                                          | Kháng cự     | 86.25 |
|                                                         | <b>Tích lũy</b><br><br><b>Khuyến nghị kỹ thuật</b><br><br><b>Trung lập</b> | Hỗ trợ       | 84    |
|                                                         |                                                                            | MACD         | ↓     |
|                                                         |                                                                            | RSI          | ↔     |
|                                                         |                                                                            | Moving Avg   | ↑     |
|                                                         |                                                                            | Giá mục tiêu | 89    |
|                                                         |                                                                            | Upside       | 5%    |

#### Dự báo KQKD

BSC dự báo VCB sẽ ghi nhận TOI = 51,152 tỷ VND (+11.8% yoy) và PBT = 25,486 tỷ VND (+10.2% yoy), BVPS 2020 ở mức 25,963 VND/cp.

#### Rủi ro Đầu tư

Dịch bệnh làm ảnh hưởng chất lượng tài sản.

#### Cập nhật KQKD

Thu hồi nợ xấu khó khăn hơn trong năm 2020. Tuy nhiên nợ xấu của VCB ở mức thấp nên đây không phải vấn đề lớn.

Nguồn: FireAnt, BSC i-Broker

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV  
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>  
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639

